

Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC
SOÁT XÉT**

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Cho giai đoạn kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

kèm theo

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT



Được soát xét bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số: 3 ngõ 1295 đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: 043 974 50 81/82 Fax: 043 974 50 83

Hà Nội, tháng 8 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056 3522166

Fax: 056 3522316

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang số
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 04
Báo cáo kết quả công tác soát xét	05
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2012	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 06 tháng đầu năm 2012	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 06 tháng đầu năm 2012	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2012	10 - 29
Phụ lục 01 - Tình hình tăng giảm tài sản cố định	30
Phụ lục 02 - Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	31
Phụ lục 03 - Bảng xác định Lợi ích cổ đông thiểu số	32
Phụ lục 04 - Vay ngắn hạn ngân hàng	33 - 34
Phụ lục 05 - Vay dài hạn ngân hàng	35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng 47 gọi tắt là "Công ty" đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tại thời điểm lập Báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng quản trị:

- | | |
|-----------------------|--------------|
| • Ông Nguyễn Lương Am | Chủ tịch |
| • Ông Nguyễn Văn Tôn | Phó Chủ tịch |
| • Ông Đinh Tấn Dương | Ủy viên |
| • Ông Lê Văn Đồng | Ủy viên |
| • Ông Phạm Văn Nho | Ủy viên |

Ban Tổng Giám đốc:

- | | |
|-----------------------|-------------------|
| • Ông Nguyễn Lương Am | Tổng Giám đốc |
| • Ông Vũ Xuân Chính | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Lê Văn Đồng | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Đinh Tấn Dương | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Nguyễn Đức Thái | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Nguyễn Văn Tôn | Phó Tổng Giám đốc |
| • Dương Minh Quang | Phó Tổng Giám đốc |

(Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2012 theo Quyết định số 1660 ngày 19/12/2011 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng 47)

- | | |
|--------------------|----------------|
| • Ông Phạm Văn Nho | Kế toán trưởng |
|--------------------|----------------|

Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2012 của Công ty Cổ phần Xây dựng 47 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

Khái quát về công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng 47, gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Công ty Xây dựng 47 được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số: 4411/2001/QĐ/BNN-TCCB ngày 08/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp về việc chuyển Công ty Xây dựng 47 thành Công ty Cổ phần Xây dựng 47. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 27 tháng 06 năm 2005. Trong quá trình hoạt động, Công ty có 11 lần thay đổi đăng ký kinh doanh với số mới là 4100258747, thay đổi lần thứ 11 vào ngày 09/06/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là: **80.000.000.000 đ (Tám mươi tỷ đồng chẵn).**

Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Đại tu xe, máy thi công; Sản xuất, phục hồi phụ kiện cơ khí. Sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình; Mua bán rượu, thuốc lá, hàng thủ công mỹ nghệ; Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao); Hoạt động của các điểm truy cập internet; Điều hành tour du lịch (Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế; các dịch vụ du lịch khác); Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Tư vấn du học); Kinh doanh vận tải khách bằng ô tô theo hợp đồng. Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi. Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô; Cho thuê ô tô; Kinh doanh dịch vụ thể thao giải trí, trò chơi thể thao trên biển; Dạy nghề; Đại lý thu đổi ngoại tệ; Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng; Khai thác đá, cát sỏi, đất sét; Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu; Khách sạn; Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Tổ chức hội nghị hội thảo; Đại lý rượu, bia, nước giải khát. Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Thi công khoan phụt vữa xử lý nền và thân công trình.

Công ty có trụ sở tại: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Đến thời điểm 30/06/2012, cơ cấu Công ty gồm có 01 Công ty con:

Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hồ có địa chỉ tại: Tây Phú - Tây Sơn - Bình Định.

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty mẹ là 73,83%.

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 30/06/2012, kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn hoạt động kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này từ trang 06 đến trang 35.

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ và lập Báo cáo tài chính

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 30/06/2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012.

Tại báo cáo này Ban Tổng Giám đốc Công ty xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;

- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc;
- Tài sản mà Công ty đang nắm giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty và không có bất kỳ một sự kiện nào có thể dẫn tới việc tranh chấp các tài sản mà Tập đoàn đang sử dụng;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm ngừng sản xuất một loại sản phẩm đang được sản xuất, ngừng xây dựng các công trình đang dở dang cũng không có một kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho ứ đọng hoặc lạc hậu và không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thực hiện thuần;
- Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 30/06/2012, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho giai đoạn kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012;
- Báo cáo tài chính đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và quy định hiện hành về kế toán có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch kinh doanh của mình trong các năm tài chính tiếp theo.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47



NGUYỄN LƯƠNG AM

Tổng Giám đốc

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 7 năm 2012

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2012

Số: 278 /CPAHANOI-BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47
cho giai đoạn kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Xây dựng 47**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2012 của Công ty cổ phần Xây dựng 47 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2012, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2012 như đã trình bày từ trang 06 đến trang 35.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
(CPAHANOI)

Kiểm toán viên**Lê Văn Dò**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0231/KTV

Tổng Giám đốc**Nguyễn Ngọc Tĩnh**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0132/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5	6
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		983.194.998.764	913.390.947.510
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	31.404.578.750	107.768.023.601
1	Tiền	111		31.404.578.750	77.768.023.601
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	30.000.000.000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		516.836.673.570	445.738.637.801
1	Phải thu khách hàng	131	V.02	475.630.701.460	390.225.064.352
2	Trả trước cho người bán	132	V.03	34.944.413.285	43.262.734.802
3	Các khoản phải thu khác	138	V.04	6.261.558.825	12.250.838.647
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV	Hàng tồn kho	140		408.529.271.798	354.836.085.228
1	Hàng tồn kho	141	V.05	408.529.271.798	354.836.085.228
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		26.424.474.646	5.048.200.880
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	-	6.956.909
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	10.986.363
3	Thuế và các khoản khác phải thu của Nhà nước	152	V.07	-	3.925.639
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.08	26.424.474.646	5.026.331.969
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		377.469.341.156	400.454.749.460
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II	Tài sản cố định	220		329.983.583.888	364.264.571.686
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	312.795.642.299	352.490.859.973
	- Nguyên giá	222		646.437.793.085	645.182.512.279
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(333.642.150.786)	(292.691.652.306)
2	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	11.375.019.536	11.405.246.056
	- Nguyên giá	228		11.911.730.290	11.911.730.290
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(536.710.754)	(506.484.234)
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	5.812.922.053	368.465.657
III	Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		45.998.500.000	31.800.000.000
1	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	45.998.500.000	31.800.000.000
V	Tài sản dài hạn khác	260		1.487.257.268	4.390.177.774
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	-	3.091.285.774
2	Tài sản dài hạn khác	268	V.14	1.487.257.268	1.298.892.000
VI	Lợi thế thương mại			-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.360.664.339.920	1.313.845.696.970

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

TT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5	6
A	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)	300		1.211.966.510.399	1.158.747.904.101
I	Nợ ngắn hạn	310		922.307.114.801	858.961.811.848
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	605.342.945.165	562.938.811.070
2	Phải trả người bán	312	V.16	203.948.509.467	201.949.093.138
3	Người mua trả tiền trước	313	V.17	10.306.056.752	24.995.377.849
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	5.115.399.082	24.788.337.685
5	Phải trả công nhân viên	315		70.612.426.070	32.104.220.768
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.19	25.741.044.876	11.005.268.645
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.240.733.389	1.180.702.693
II	Nợ dài hạn	330		289.659.395.598	299.786.092.253
1	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	283.841.092.620	294.785.657.770
2	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		5.818.302.978	5.000.434.483
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)	400	V.21	146.716.649.279	153.110.506.944
I	Vốn chủ sở hữu	410		146.716.649.279	153.110.506.944
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		23.467.650.000	23.467.650.000
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		10.449.146.977	10.449.146.977
4	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	525.283
5	Quỹ đầu tư phát triển	417		17.591.392.507	15.643.647.685
6	Quỹ dự phòng tài chính	418		5.771.646.267	5.159.862.437
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		86.026.274	52.276.624
8	Lợi nhuận chưa phân phối	420		9.350.787.254	18.337.397.938
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		1.981.180.242	1.987.285.925
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	440		1.360.664.339.920	1.313.845.696.970

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	Ngoại tệ các loại (USD)	005		3.882,84	397,34

Kế toán trưởng



Phạm Văn Nho

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 07 năm 2012

Tổng Giám đốc



NGUYỄN LƯƠNG AM

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	V.22	223.433.502.974	334.042.781.732	488.104.471.098	695.922.686.260
2	Các khoản giảm trừ	3	V.23	14.073.252	20.399.372	28.748.078	40.486.785
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.24	223.419.429.722	334.022.382.360	488.075.723.020	695.882.199.475
4	Giá vốn hàng bán	11	V.25	175.280.811.494	285.241.797.079	397.012.021.969	602.504.089.190
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.138.618.228	48.780.585.281	91.063.701.051	93.378.110.285
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.26	1.416.860.254	1.594.917.673	3.021.470.579	3.512.542.995
7	Chi phí tài chính	22	V.27	34.607.026.489	34.443.145.586	64.276.284.765	60.955.629.575
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		31.459.458.436	34.443.145.586	58.053.462.969	60.955.629.575
8	Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.28	7.048.824.789	7.513.874.856	13.927.980.046	18.745.846.033
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.899.627.204	8.418.482.512	15.880.906.819	17.189.177.672
11	Thu nhập khác	31	V.29	16.500.000	39.490.000	125.658.000	39.490.000
12	Chi phí khác	32	V.30	8.910.000	-	24.859.398	-
13	Lợi nhuận khác	40		7.590.000	39.490.000	100.798.602	39.490.000
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.907.217.204	8.457.972.512	15.981.705.421	17.228.667.672
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.31	1.958.467.593	2.105.732.348	3.686.762.207	4.254.027.911
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.948.749.611	6.352.240.164	12.294.943.214	12.974.639.761
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		25.364.644	12.118.537	61.782.639	73.505.672
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		5.923.384.967	6.340.121.627	12.233.160.575	12.901.134.089
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		740	793	1.529	1.613

Kế toán trưởng

Phạm Văn Nho

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 07 năm 2012

Tổng Giám đốc

Nguyễn Lương Am

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 2 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	424.103.308.627	685.774.033.687
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(343.124.447.084)	(588.210.888.137)
3	Tiền chi trả cho người lao động	3	(90.445.392.389)	(95.848.116.928)
4	Tiền chi trả lãi vay	4	(58.053.462.969)	(60.955.629.575)
5	Tiền chi nộp thuế	5	(5.776.231.483)	(6.863.801.163)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	2.027.865.791	396.477.285
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(576.987.936)	(496.840.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(71.845.347.443)	(66.204.764.831)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.734.376.963)	(28.859.334.802)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(14.198.500.000)	(7.020.000.000)
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.199.018.636	3.610.204.267
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.733.858.327)	(32.269.130.535)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của doanh nghiệp đó phát hành	32	-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	294.151.835.452	467.809.766.750
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(262.692.266.507)	(356.802.128.815)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18.243.808.026)	(16.137.518.049)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	13.215.760.919	94.870.119.886
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(76.363.444.851)	(3.603.775.480)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	107.768.023.601	31.278.299.280
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	31.404.578.750	27.674.523.800

Kế toán trưởng



Phạm Văn Nho

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 07 năm 2012

Tổng Giám đốc



Nguyễn Lương An

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Xây dựng 47, gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Công ty Xây dựng 47 được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số: 4411/2001/QĐ/BNV-TCCB ngày 08/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp về việc chuyển Công ty Xây dựng 47 thành Công ty Cổ phần Xây dựng 47. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 27 tháng 06 năm 2005. Trong quá trình hoạt động, Công ty có 11 lần thay đổi đăng ký kinh doanh với số mới là 4100258747, thay đổi lần thứ 11 vào ngày 09/06/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là: **80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng chẵn).**

Cơ cấu vốn điều lệ:

- Vốn góp của Nhà nước : 20.076.427.000 VND <tương đương 25,96%>
- Vốn góp của các đối tượng khác : 59.235.730.000 VND <tương đương 74,04%>.

Công ty có trụ sở tại: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Lĩnh vực hoạt động của Công ty:

Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Đại tu xe, máy thi công; Sản xuất, phục hồi phụ kiện cơ khí. Sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình; Mua bán rượu, thuốc lá, hàng thủ công mỹ nghệ; Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao); Hoạt động của các điểm truy cập internet; Điều hành tour du lịch (Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế; các dịch vụ du lịch khác); Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Tư vấn du học); Kinh doanh vận tải khách bằng ô tô theo hợp đồng. Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi. Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô; Cho thuê ô tô; Kinh doanh dịch vụ thể thao giải trí, trò chơi thể thao trên biển; Dạy nghề; Đại lý thu đổi ngoại tệ; Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng; Khai thác đá, cát sỏi, đất sét; Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu; Khách sạn; Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Tổ chức hội nghị hội thảo; Đại lý rượu, bia, nước giải khát. Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Thi công khoan phụt vữa xử lý nền và thân công trình.

3. Danh sách công ty con được hợp nhất:

Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hô

Địa chỉ: Tây Phú - Tây Sơn - Bình Định.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ và quyền biểu quyết :

Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ	: 73,83%
Quyền biểu quyết	: 73,83%
Vốn của công ty con	: 7.129.000.000 đồng
Vốn góp của công ty mẹ	: 5.330.000.000 đồng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đây là Báo cáo tài chính giữa niên độ nên niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 đến 30/06.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (đ)

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn kèm theo phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh tại Công ty.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức Sổ kế toán trên máy vi tính. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính, Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

3. Chuẩn mực kế toán áp dụng:

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Xây dựng 47 tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các Chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính.

1. Ước tính kế toán:

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty do Công ty Cổ phần Xây dựng 47 kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2012. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty Cổ phần Xây dựng 47 có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty Cổ phần Xây dựng 47 và công ty con là giống nhau.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:

- **Nguyên tắc xác định các khoản tiền:** Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.
- **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:** Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế kh"ng được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh để sản xuất hàng tồn kho cho từng bộ phận, từng công trình.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cho hầu hết hàng tồn kho, duy nhất áp dụng kiểm kê định kỳ đối với nguyên liệu, công cụ tại bộ phận dịch vụ khách sạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

- Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

6. Ghi nhận TSCĐ và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, trong quá trình sử dụng tài sản cố định được ghi nhận theo ba tiêu thức nguyên giá, hao mòn và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCĐ được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao TSCĐ hữu hình được thực hiện theo phương pháp đường thẳng, căn cứ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính và nguyên giá của tài sản. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Mức khấu hao cụ thể như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian sử dụng
- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	08 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08 năm
- Phần mềm	03 - 08 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư, hoặc ngày mua cổ phiếu, trái phiếu.

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

8. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.
- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.
- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.
- Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.
- Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả, Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Đối với quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, Công ty thực hiện trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

10. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

12. Các nghĩa vụ về thuế

Công ty áp dụng Chính sách thuế theo quy định của các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Vốn khác của chủ sở hữu là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm các năm trước và khoản khác được hình thành từ lợi nhuận sau thuế và được sử dụng vào việc khen thưởng hoặc các mục đích khác phục vụ công tác điều hành của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị.

14. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

Các quỹ của Công ty được trích lập theo quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- *Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu từng lần hoặc theo phiếu giá thanh toán, quyết toán của từng hạng mục công việc hoàn thành hoặc toàn bộ công trình xây lắp, hoá đơn tài chính, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu từ dịch vụ vận tải được xác định theo hợp đồng kinh tế, biên bản xác nhận dịch vụ hoàn thành, phát hành hoá đơn tài chính và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá thực hiện và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên cơ sở chênh lệch giữa giá bán và giá mua. Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động xây lắp được xác định đối với từng hợp đồng, công trình xây dựng riêng biệt và tương ứng với doanh thu trong kỳ, chi phí của từng hợp đồng, công trình đã được ghi nhận. Cụ thể:

- Đối với các công trình cuối kỳ đã hoàn thành, bàn giao, doanh thu lũy kế đã hạch toán hết theo tổng giá trị nghiệm thu thanh toán thì giá vốn kết chuyển trong kỳ bằng toàn bộ chi phí lũy kế đã được ghi nhận (không còn chi phí dở dang).
- Đối với các công trình cuối kỳ chưa hoàn thành hoặc hoàn thành nhưng chưa có quyết toán, thanh lý hợp đồng thì giá vốn trong kỳ được xác định trên cơ sở chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phát sinh trong kỳ, tỷ lệ doanh thu ghi nhận trong kỳ với sản lượng dở dang đầu kỳ cộng sản lượng thực hiện trong kỳ.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hợp đồng xây dựng, Trích lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp: Chi phí của hợp đồng xây dựng gồm: Chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng xây lắp.

- Phương pháp lập chi phí bảo hành: Doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất trích bảo hành công trình xây lắp đã tiêu thụ trong năm và tiến hành lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp có cam kết bảo hành.

Tổng mức trích lập dự phòng bảo hành của các công trình xây lắp theo quy định đã cam kết với khách hàng nhưng tối đa không quá 5% trên tổng giá trị công trình.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính: Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
 - Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

20. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2012

(tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Đơn vị tính: đồng)

1. Tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt VND	3.500.906.755	2.612.858.989
Cty CP Xây Dựng 47	3.415.103.116	2.612.619.248
Cty CP Du Lịch Hầm Hồ	85.803.639	239.741
Tiền gửi ngân hàng	27.903.671.995	75.155.164.612
Tiền Việt Nam	27.823.259.010	75.146.888.814
Cty CP Xây Dựng 47	27.501.977.990	74.866.350.051
- Ngân hàng BIDV Việt Nam - CN Bình Định	27.102.577.958	73.853.555.592
- Ngân hàng Vietcombank Quy Nhơn	397.450.032	1.010.844.459
- Ngân hàng TMCP Công thương	1.950.000	1.950.000
Cty CP Du Lịch Hầm Hồ	321.281.020	280.538.763
- Ngân hàng BIDV Việt Nam - CN Bình Định	-	280.538.763
- Ngân hàng NN PTNT Tây Sơn	321.281.020	-
Ngoại tệ (USD)	80.412.985	8.275.798
Cty CP Xây Dựng 47	80.412.985	8.275.798
- Ngân hàng BIDV - CN Bình Định (USD)	80.412.985	8.275.798
Cộng	31.404.578.750	77.768.023.601
Các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn NH BIDV Việt Nam - CN Bình Định	-	30.000.000.000
Cộng	-	30.000.000.000
2. Phải thu của khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Văn phòng công ty	471.502.046.284	388.102.462.607
Khách sạn Hải Âu	2.027.976.026	640.455.095
Công trường Bình Đề	1.898.236.000	1.308.546.500
Trung tâm dạy nghề	179.555.000	154.967.000
Cty CP Du Lịch Hầm Hồ	22.888.150	18.633.150
Cộng	475.630.701.460	390.225.064.352
3. Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cty CP Xây Dựng 47	34.944.413.285	43.262.734.802
Cty CP Du Lịch Hầm Hồ	-	-
Cộng	34.944.413.285	43.262.734.802
4. Các khoản phải thu khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cty CP Xây Dựng 47	5.188.069.927	11.177.844.634
Văn phòng công ty	1.199.654.880	3.139.740.064
Công trường Sêrêpôk 4	877.658.236	862.088.757

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2012

(tiếp theo)

Công trường A Lưới	-	412.212.500
Công trường Phước Hòa	-	302.505.494
Công trường Đồng Nai 4	431.722.690	1.893.196.340
Công trường Krong Buk	30.166.741	32.504.389
Công trường Bình Đề	33.500.000	24.454.500
Công trường Nước Trong	502.852.055	1.676.455.445
Công trường Sông Bung 4	-	280.339.410
Công trường Tân Mỹ	54.061.499	-
Công trường Tà Rục	116.030.000	1.163.705.994
Công trường Thượng Kon Tum	121.913.591	1.208.122.849
Công trường Tiên Thuận	200.979.300	-
Công trường Văn Phong	105.693.549	4.580.549
Công trường NMTĐ Định Bình	141.839.225	8.345.099
Công trường Tả Trạch	153.992.830	108.918.000
Xây dựng trụ sở công ty	1.123.622.311	-
Phải thu khác (Dư Nợ TK 338 - KS Hải Âu)	94.383.020	60.675.244
Cty CP Du Lịch Hầm Hô	1.073.488.898	1.072.994.013
Trần Minh Phương	4.205.140	
Huỳnh Bửu Quốc	7.757.000	
Huỳnh Văn Tiên	15.000.000	
Tiền đền bù GPMB	1.028.495.943	
CBCNV công ty	18.030.815	
Cộng	6.261.558.825	12.250.838.647
5. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cp Xây dựng 47	408.441.047.819	354.739.562.031
Nguyên liệu, vật liệu	78.482.233.044	88.275.409.089
Công cụ, dụng cụ	835.244.623	1.051.943.221
Chi phí SX, KD dở dang	328.808.242.888	264.861.896.544
Hàng hóa	315.327.264	550.313.177
Cty CP Du Lịch Hầm Hô	88.223.979	96.523.197
Nguyên liệu, vật liệu	28.000.000	7.200.154
Hàng hóa	60.223.979	89.323.043
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	408.529.271.798	354.836.085.228
6. Chi phí trả trước ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	-	6.956.909
Cộng	-	6.956.909
7. Thuế và các khoản khác phải thu của Nhà nước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	-	3.925.639
Cộng	-	3.925.639

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2012

(tiếp theo)

8. Tài sản ngắn hạn khác <tạm ứng>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cp Xây dựng 47	26.212.913.226	4.864.770.549
Cty CP Du Lịch Hàm Hồ	211.561.420	161.561.420
Cộng	26.424.474.646	5.026.331.969

9. Tài sản cố định hữu hình <Chi tiết tại phụ lục số 01>

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 01/01/2012	11.344.793.017	566.937.273	11.911.730.290
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2012	11.344.793.017	566.937.273	11.911.730.290
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 01/01/2012	-	506.484.234	506.484.234
Khấu hao trong kỳ	-	30.226.520	30.226.520
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2012	-	536.710.754	536.710.754
Giá trị còn lại			
Số dư tại ngày 01/01/2012	11.344.793.017	60.453.039	11.405.246.056
Số dư tại ngày 30/06/2012	11.344.793.017	30.226.519	11.375.019.536

Quyền sử dụng đất diện tích 488,5 m² tại địa chỉ 4/7 đường số 3, KP5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh trị giá 11.242.048.017 đồng của công ty cp Xây dựng 47 không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.

Quyền sử dụng đất tại Tây Phú, Sơn Tây của Công ty cp Du lịch Hàm Hồ không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.

11. Chi phí XDCB dở dang	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản		
Công ty cp Xây dựng 47	5.479.190.510	-
- Trụ sở công ty	5.479.190.510	-
Cty CP Du Lịch Hàm Hồ	333.731.543	368.465.657
Mua sắm TSCĐ	-	-
Cộng	5.812.922.053	368.465.657

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn <8% vốn điều lệ>	26.800.000.000	18.600.000.000
Công ty CP Thủy điện Định Bình <18,26% vốn điều lệ>	13.200.000.000	13.200.000.000
Công ty CP Thủy điện Văn Phong <59,99% vốn điều lệ>	5.998.500.000	-
<Trong đó: Công ty cp Xây dựng 47 góp 3.000.000.000 đồng; công đoàn cơ sở công ty góp 2.998.500.000 đồng>.		
Cộng	45.998.500.000	31.800.000.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2012

(tiếp theo)

13. Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền GPMB cụm CN Phước An, Tuy Phước	-	2.859.085.500
Chi phí công cụ dụng cụ Cty CP Du Lịch Hầm Hô	-	232.200.274
Cộng	-	3.091.285.774
14. Tài sản dài hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.487.257.268	1.298.892.000
<i>Công ty cp Xây dựng 47</i>	<i>1.298.892.000</i>	<i>1.298.892.000</i>
Ký quỹ XNK lao động	1.000.000.000	1.000.000.000
Ký quỹ môi trường	298.892.000	298.892.000
<i>Cty CP Du Lịch Hầm Hô</i>	<i>188.365.268</i>	-
Cộng	1.487.257.268	1.298.892.000
15. Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cp Xây dựng 47	605.342.945.165	562.938.811.070
- Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Bình Định	604.952.110.593	562.533.476.498
- Vay các đối tượng khác	390.834.572	405.334.572
Cộng	605.342.945.165	562.938.811.070
<i>(Chi tiết các khoản vay Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Bình Định xem thêm tại Phụ lục số 04)</i>		
16. Phải trả người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty cp Xây dựng 47</i>	<i>203.623.981.814</i>	<i>201.744.147.485</i>
Văn phòng Cty	200.129.570.751	160.695.990.003
Khách sạn Hải Âu	443.956.310	1.107.196.471
Công trường Bình Đề	-	182.655.000
Công trường Đồng Nai 4	828.248.579	34.025.678.222
Công trường Sông Bung 5	454.887.720	5.732.627.789
Công trường Krông Buk	815.440.383	-
Xây dựng trụ sở công ty	951.878.071	-
<i>Cty CP Du Lịch Hầm Hô</i>	<i>324.527.653</i>	<i>204.945.653</i>
Công ty TNHH XD Nhơn Hòa	140.000.000	-
UBND huyện Tây Sơn	44.880.653	-
Công ty kiến trúc Bình Định	107.752.000	-
Công ty TNHH Trung Nhân	31.895.000	-
Cộng	203.948.509.467	201.949.093.138
17. Người mua trả tiền trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty cp Xây dựng 47</i>	<i>10.306.056.752</i>	<i>24.995.377.849</i>
Công trình Lòng Sông (đường)	570	570
Cty xây dựng thủy lợi 24	127.880.000	127.880.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2012

(tiếp theo)

Công trình Hà Nhe	1.240.000	1.240.000
Công trình Hồ Định Bình	1.613.433.002	11.093.143.076
Công trình Sông Trầu	43.547.180	43.547.180
Công trình Tả Trạch	-	7.700.077.000
Công trình Tà Rục	-	500.000.000
Công trình Đambri	1.000.000.000	1.000.000.000
Công trình Tiên Thuận	2.519.956.000	4.000.000.000
Công trình NMTĐ Định Bình	-	529.490.023
Công ty cổ phần thủy điện Văn Phong	5.000.000.000	-
Cty CP Du Lịch Hầm Hô	-	-
Cộng	10.306.056.752	24.995.377.849

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty cp Xây dựng 47</i>	<i>5.086.644.234</i>	<i>24.763.026.967</i>
Thuế GTGT	2.326.466.147	19.930.526.018
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.792.620.437	4.865.571.619
Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.724.477	4.096.157
Các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước khác	(37.166.827)	(37.166.827)
Cty CP Du Lịch Hầm Hô	28.754.848	25.310.718
Thuế GTGT	16.050.860	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.858.588	24.374.118
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.845.400	936.600
Cộng	5.115.399.082	24.788.337.685

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty cp Xây dựng 47</i>	<i>25.704.383.963</i>	<i>10.913.255.887</i>
Kinh phí công đoàn	8.451.439.727	6.497.446.727
Phải trả về cổ phần hóa	1.151.237.824	1.151.237.824
Phải trả khác	15.990.659.732	3.264.571.336
Văn phòng cty	-	2.181.047.911
Văn phòng cty (Dư Có TK 1388)	2.304.573.490	1.083.523.425
Tạm giữ 5% bảo hành	46.569.450	-
Tiền nộp Tổng công ty	23.699.154	-
Hồ sơ đấu thầu	19.170.000	-
CLB hưu trí	40.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân tạm thu	1.965.347.044	-
Tiền xuất khẩu lao động	370.575.000	-
Tiền tạm giữ của CBCNV chuyển đi	73.878.133	-
Công trường Sêrêpôk 4A	3.333.800	-
Công trường Tiên Thuận	113.337.317	-
Phải trả khác < lương của các đội >	11.030.176.344	-
Tài sản thừa chờ xử lý	111.046.680	-
Cty CP Du Lịch Hầm Hô	36.660.913	92.012.758
Cộng	25.741.044.876	11.005.268.645

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2012

(tiếp theo)

20. Vay và nợ dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cp Xây dựng 47		
<i>Vay dài hạn</i>	101.496.092.620	112.440.657.770
Ngân hàng BIDV - CN Bình Định (VND)	95.322.673.420	106.267.238.570
Ngân hàng BIDV - CN Bình Định (USD)	6.173.419.200	6.173.419.200
<i>Nợ dài hạn</i>	182.345.000.000	182.345.000.000
Ban QL ĐT và XD Thủy lợi 6 (CT Nước Trong)	46.807.000.000	46.807.000.000
Ban QL ĐT và XD Thủy lợi 6 (CT Thủy điện Nước Trong)	39.743.000.000	39.743.000.000
Ban QL ĐT và XD Thủy lợi 7 (CT Tà Rục)	5.500.000.000	5.500.000.000
Công ty CP tư vấn xây dựng điện 1	17.337.000.000	17.337.000.000
Công ty CP TĐ Vĩnh Sơn Sông Hình	55.394.000.000	55.394.000.000
Ban QL ĐT và XD Thủy lợi 5	851.000.000	851.000.000
Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn (CT Serepok 4A)	16.713.000.000	16.713.000.000
Cty CP Du Lịch Hầm Hô	-	-
Cộng	283.841.092.620	294.785.657.770

(Chi tiết các khoản vay dài hạn Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Bình Định xem thêm tại Phụ lục số 05)

21. Vốn chủ sở hữu

21.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu <Chi tiết tại phụ lục số 02>

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước - TCT ĐT&KD vốn NN <25,96%>	20.764.270.000	20.764.270.000
Vốn góp của các đối tượng khác <74,04%>	59.235.730.000	59.235.730.000
Cộng	80.000.000.000	80.000.000.000

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.000.000.000	16.000.000.000

21.4 Cổ phiếu

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	8.000.000	8.000.000
Cổ phiếu phổ thông:	8.000.000	8.000.000
Cổ phiếu ưu đãi:	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	8.000.000	8.000.000
Cổ phiếu phổ thông:	8.000.000	8.000.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2012

(tiếp theo)

Cổ phiếu ưu đãi:

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu

21.5 Các quỹ của doanh nghiệp	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Quỹ đầu tư phát triển	17.591.392.507	15.643.647.685
Quỹ dự phòng tài chính	5.771.646.267	5.159.862.437
Cộng	23.363.038.774	20.803.510.122

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: đồng

22. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Công ty cổ phần xây dựng 47	486.170.482.173	694.125.300.837
Doanh thu bán hàng	2.269.449.523	2.290.744.202
Doanh thu thi công xây lắp chính	446.443.858.913	655.064.278.310
Dịch vụ khách sạn du lịch	30.943.167.283	24.223.943.097
Doanh thu nhượng bán vật tư	5.226.002.812	11.212.225.922
Doanh thu cho thuê tài sản	-	254.304.000
Doanh thu khác	1.288.003.642	1.079.805.306
Công ty cổ phần Du lịch Hầm Hô	1.933.988.925	1.797.385.423
Cộng	488.104.471.098	695.922.686.260

23. Các khoản giảm trừ doanh thu	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Thuế tiêu thụ đặc biệt của khách sạn Hải Âu	28.748.078	40.486.785
Cộng	28.748.078	40.486.785

24. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Công ty cổ phần xây dựng 47	486.141.734.095	694.084.814.052
Doanh thu bán hàng	2.269.449.523	2.290.744.202
Doanh thu thi công xây lắp chính	446.443.858.913	655.064.278.310
Dịch vụ khách sạn du lịch	30.914.419.205	24.183.456.312
Doanh thu nhượng bán vật tư	5.226.002.812	11.212.225.922
Doanh thu cho thuê tài sản	-	254.304.000
Doanh thu khác	1.288.003.642	1.079.805.306
Công ty cổ phần Du lịch Hầm Hô	1.933.988.925	1.797.385.423
Cộng	488.075.723.020	695.882.199.475

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2012

(tiếp theo)

25. Giá vốn bán hàng

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	395.688.540.470	601.358.943.555
Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hồ	1.323.481.499	1.145.145.635
Cộng	397.012.021.969	602.504.089.190

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Lãi góp vốn từ Cty CP Thủy điện Định Bình <8%>	1.056.000.000	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.965.470.579	3.512.542.995
Cộng	3.021.470.579	3.512.542.995

27. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Chi phí lãi vay	58.053.462.969	60.955.629.575
Phí bảo lãnh thực hiện các công trình	6.222.821.796	-
Cộng	64.276.284.765	60.955.629.575

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Công ty cổ phần xây dựng 47		
Chi phí nhân viên quản lý	3.901.982.000	3.074.291.000
Chi phí vật liệu quản lý	680.159.719	350.180.056
Chi phí đồ dùng văn phòng	84.814.336	247.600.120
Chi phí khấu hao TSCĐ	97.400.000	97.400.000
Thuế, phí, lệ phí	399.838.038	3.142.674.257
Chi phí dự phòng	885.599.895	770.733.243
Chi phí bằng tiền khác	7.536.388.928	10.712.945.040
Công ty cổ phần Du lịch Hầm Hồ	341.797.130	350.022.317
Cộng	13.927.980.046	18.745.846.033

29. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Thu tiền bảo hiểm xe	125.658.000	28.990.000
Thu nhập khác	-	10.500.000
Cộng	125.658.000	39.490.000

30. Chi phí khác

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Chi phí sửa xe tai nạn	8.910.000	-
Thanh lý tài sản cố định	15.949.398	-
Cộng	24.859.398	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2012

(tiếp theo)

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
31. Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	3.686.762.207	4.254.027.911
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ này.	-	-
32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Chi phí nguyên vật liệu	197.091.551.686	362.589.621.597
Chi phí nhân công trực tiếp	113.879.944.141	112.987.964.124
Chi phí máy thi công	73.449.562.229	116.160.275.146
Chi phí khấu hao TSCĐ	40.970.540.000	37.989.047.000
Chi phí chia thầu	40.674.873.972	49.852.269.103
Chi phí xưởng	15.538.446.651	21.665.757.526
Chi phí khác	18.289.541.259	20.362.512.796
Cộng	499.894.459.938	721.607.447.292

VII. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty cổ phần Xây dựng 47 được tổ chức 3 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là: kinh doanh xây lắp, kinh doanh nhà hàng, khách sạn và trung tâm dạy nghề. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh xây lắp chiếm tỷ trọng doanh thu chủ yếu; hoạt động kinh doanh nhà hàng, khách sạn chiếm tỷ trọng 7% tổng doanh thu (Công ty cổ phần Du lịch Hầm Hồ cũng hoạt động kinh doanh chính là nhà hàng, khách sạn); các hoạt động khác chiếm tỷ trọng 0,5% tổng doanh thu.

Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

	Các bộ phận khác	Kinh doanh xây lắp	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần từ bán hàng	41.631.864.107	446.443.858.913	488.075.723.020
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	6.451.336.546	34.586.376.934	41.037.713.480
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.900.782.130	85.162.918.921	91.063.701.051
4. Tổng chi phí phát sinh để mua TSCĐ	237.835.352	1.120.609.852	1.358.445.204
5. Tổng giá trị còn lại của TS bộ phận	58.321.887.798	265.848.774.037	324.170.661.835
Tổng tài sản	2.643.243.839	1.358.021.096.081	1.360.664.339.920
6. Nợ phải trả bộ phận	1.720.362.034	1.210.246.148.365	1.211.966.510.399

Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Các bộ phận của Công ty cổ phần 47 hoạt động kinh doanh trên cùng một khu vực địa lý là Tỉnh Bình Định nên không có báo cáo bộ phận thứ yếu.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan:**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch
Công ty cổ phần Du lịch Hầm Hồ	Công ty con	Không
Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Công ty liên kết	Không

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2012

(tiếp theo)

Công ty cổ phần Thủy điện Định Bình

Công ty cổ phần Thủy điện Văn Phong

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Không

Không

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ không có các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan.

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu cùng kỳ năm 2011 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Thăng Long - TDK. Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Thăng Long - TDK.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ hoạt động tiếp theo.

4. Những thông tin khác**4.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.233.160.575	12.901.134.089
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Lãi trên cổ phiếu	1.529	1.613

4.2 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

Các loại công cụ tài chính**30/06/2012****Tài sản tài chính**

Tiền và các khoản tương đương tiền	31.404.578.750
Phải thu khách hàng và phải thu khác	481.892.260.285
Tài sản tài chính khác	1.487.257.268

Công cụ tài chính

Phải trả khách hàng và phải trả khác	229.689.554.343
Công nợ tài chính khác	182.345.000.000

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá: rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro tỷ giá do việc mua bán hàng hóa dịch vụ được thực hiện bằng tiền Việt Nam đồng.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro về giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2012

(tiếp theo)

Rủi ro về lãi suất là của công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay. Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào vì Công ty chỉ quan hệ giao dịch truyền thống lâu năm với Ngân hàng BIDV chi nhánh Bình Định và được ngân hàng ưu đãi với mức lãi suất thấp nhất, có lợi nhất cho công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi các khoản phải thu chủ yếu từ khách hàng là Ban quản lý dự án thuộc Ngân sách Nhà nước.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phát sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Công nợ tài chính được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu và ngày đáo hạn hợp đồng theo ngày sớm nhất mà công ty phải trả:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm
Phải trả khách hàng và phải trả khác	229.689.554.343	-
Công nợ khác	-	182.345.000.000

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tài sản đảm bảo:

Trong kỳ Công ty có dùng một số tài sản để thế chấp vay vốn ngân hàng, cụ thể như sau:

- Khoản vay dài hạn USD ngân hàng BIDV - chi nhánh Bình Định để mua cầu thép điện. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- Khoản vay dài hạn USD ngân hàng BIDV - chi nhánh Bình Định để mua máy ủi. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- Các khoản vay ngân hàng BIDV - chi nhánh Bình Định ngắn hạn, dài hạn khác để sử dụng vào việc mua máy móc thiết bị mới và bổ sung vốn lưu động để thực hiện sản xuất kinh doanh. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay, TSCĐ hoặc các khoản phải thu khách hàng tương ứng với số dư nợ tại thời điểm vay.

4.3. Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	72,26	71,42
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	27,74	28,58
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	89,07	90,07
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	10,78	9,80

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2012

(tiếp theo)

2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	lần	1,12	1,11
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,07	1,07
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,03	0,03
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	3,27	2,48
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	2,51	1,85
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	1,17	1,19
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	0,90	0,89
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH	%	15,29	16,13

4.4. Thông tin khác

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định của thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kiểm toán cho các giao dịch tại đơn vị có thể được giải thích theo cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Kế toán trưởng



Phạm Văn Nho

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 07 năm 2012

Công ty Cổ phần Xây dựng 47

Tổng Giám đốc



 Nguyễn Lương Am

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn kế toán

từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Phu lục số 01: Tình hình tăng giảm TSCĐ hữu hình hợp nhất

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ						
1. Số dư tại ngày 01/01/2012	74.812.641.151	408.313.023.465	146.431.612.960	12.523.444.933	3.101.789.770	645.182.512.279
2. Số tăng trong kỳ	-	967.047.727	-	225.247.477	166.150.000	-1.358.445.204
- Mua sắm mới	-	967.047.727	-	225.247.477	166.150.000	1.358.445.204
- Xây dựng mới	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	74.664.398	28.500.000	-	-	-	103.164.398
- Thanh lý	-	28.500.000	-	-	-	28.500.000
- Giảm khác	74.664.398	-	-	-	-	74.664.398
4. Số dư tại ngày 30/06/2012	74.737.976.753	409.251.571.192	146.431.612.960	12.748.692.410	3.267.939.770	646.437.793.085
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư tại ngày 01/01/2012	13.723.821.737	199.668.473.447	70.808.476.236	7.970.858.886	520.022.000	292.691.652.306
2. Khấu hao trong kỳ	1.579.794.452	27.900.614.510	10.518.330.696	934.729.822	104.244.000	41.037.713.480
- Trích trong kỳ	1.579.794.452	27.900.614.510	10.518.330.696	934.729.822	104.244.000	41.037.713.480
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	63.748.000	23.467.000	-	-	-	87.215.000
- Thanh lý	-	23.467.000	-	-	-	23.467.000
- Giảm khác	63.748.000	-	-	-	-	63.748.000
4. Số dư tại ngày 30/06/2012	15.239.868.189	227.545.620.957	81.326.806.932	8.905.588.708	624.266.000	333.642.150.786
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày 01/01/2012	61.088.819.414	208.644.550.018	75.623.136.724	4.552.586.047	2.581.767.770	352.490.859.973
2. Tại ngày 30/06/2012	59.498.108.564	181.705.950.235	65.104.806.028	3.843.103.702	2.643.673.770	312.795.642.299

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay

409.167.434.829 đồng

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

84.156.923.720 đồng

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn kế toán

từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Phu lục số 02: Tình hình tăng giảm Vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác thuộc CSH	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm trước									
1. Số dư đầu năm	80.000.000.000	23.467.650.000	10.449.146.977	-	12.022.441.693	3.952.793.773	52.276.624	16.000.000.000	145.944.309.067
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	24.280.988.317	24.280.988.317
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	3.621.205.992	1.207.068.664	-	-	4.828.274.656
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	525.284	-	-	-	101.533.620	102.058.904
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	16.000.000.000	16.000.000.000
- Giảm khác:	-	-	-	-	-	-	-	6.045.123.999	6.045.123.999
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	3.621.205.992	3.621.205.992
+ Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-	-	1.207.068.664	1.207.068.664
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	1.207.068.664	1.207.068.664
+ Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	9.780.679	9.780.679
2. Số dư cuối năm	80.000.000.000	23.467.650.000	10.449.146.977	525.284	15.643.647.685	5.159.862.437	52.276.624	18.337.397.938	153.110.506.944
Kỳ này									
1. Số dư ngày 01/01/2012	80.000.000.000	23.467.650.000	10.449.146.977	525.284	15.643.647.685	5.159.862.437	52.276.624	18.337.397.938	153.110.506.944
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	18.530.127	-	18.530.127
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	12.233.160.575	12.233.160.575
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.947.744.822	611.783.830	45.712.650	-	2.605.241.302
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	18.000.000.000	18.000.000.000
- Giảm khác:	-	-	-	525.284	-	-	30.493.127	3.219.771.259	3.250.789.670
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	1.958.994.200	1.958.994.200
+ Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-	-	634.284.101	634.284.101
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	623.033.208	623.033.208
+ Giảm khác	-	-	-	525.284	-	-	30.493.127	3.459.749	34.478.160
2. Số dư ngày 30/6/2012	80.000.000.000	23.467.650.000	10.449.146.977	-	17.591.392.507	5.771.646.267	86.026.273	9.350.787.254	146.716.649.278

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn kế toán

từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Phu lục số 03: Bảng xác định lợi ích của cổ đông thiểu số

TT	Chỉ tiêu	Vốn chủ sở hữu	Công ty Cổ phần XD 47	Lợi ích của cổ đông thiểu số
1	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	7.219.000.000	5.330.000.000	1.889.000.000
2	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	116.519.401	86.026.274	30.493.127
3	Lợi nhuận chưa phân phối	235.716.907	174.029.792	61.687.115
	Cộng	7.632.185.824	5.635.055.094	1.981.180.242

Phụ lục số 04: Bảng kê chi tiết vay ngắn hạn Ngân hàng BIDV Bình Định

Đơn vị tính: đồng

Ngày Vay	Số kế ước	Kỳ hạn	Lãi suất	Số tiền	Ngày đến hạn
03/10/2011	341715	9 tháng	14% / năm	9.030.000.000	03/07/2012
03/10/2011	341706	9 tháng	14% / năm	5.640.531.623	03/07/2012
21/10/2011	345054	9 tháng	14% / năm	8.185.361.217	23/07/2012
21/10/2011	345063	9 tháng	14% / năm	9.591.253.388	23/07/2012
24/10/2011	345258	9 tháng	14% / năm	10.485.212.567	24/07/2012
26/09/2011	340396	9 tháng	14,28% / năm	8.043.415.353	26/07/2012
26/09/2011	340378	9 tháng	14,28% / năm	6.881.328.444	26/07/2012
27/10/2011	346093	9 tháng	14% / năm	1.953.879.932	27/07/2012
14/09/2011	338124	9 tháng	14,28% / năm	5.149.473.603	14/08/2012
14/11/2011	349357	9 tháng	14% / năm	6.768.313.107	14/08/2012
20/09/2011	339446	9 tháng	14,28% / năm	7.108.549.341	20/08/2012
20/09/2011	339437	9 tháng	14,28% / năm	9.442.075.864	20/08/2012
22/11/2011	351097	9 tháng	14% / năm	6.229.956.148	22/08/2012
24/11/2011	351477	9 tháng	14% / năm	9.416.813.289	24/08/2012
24/11/2011	351486	9 tháng	14% / năm	9.834.385.327	24/08/2012
30/11/2011	352568	9 tháng	14% / năm	5.805.926.432	30/08/2012
30/11/2011	352577		14% / năm	7.291.189.200	30/08/2012
01/12/2011	352814	9 tháng	14% / năm	7.159.500.000	04/09/2012
01/12/2011	352832	9 tháng	14% / năm	8.037.668.333	04/09/2012
01/12/2011	352823	9 tháng	14% / năm	7.641.725.679	04/09/2012
03/12/2011	353215	9 tháng	14% / năm	10.599.440.000	04/09/2012
05/12/2011	353288	9 tháng	14% / năm	6.672.914.578	05/09/2012
05/12/2011	353279	9 tháng	14% / năm	6.665.164.706	05/09/2012
05/12/2011	353260		14% / năm	6.182.442.180	05/09/2012
07/12/2011	353923	9 tháng	14% / năm	8.659.573.195	07/09/2012
07/12/2011	353765		14% / năm	6.403.765.414	07/09/2012
08/12/2011	354326	9 tháng	14% / năm	7.025.003.898	10/09/2012
08/12/2011	354227		14% / năm	10.000.000.000	10/09/2012
09/12/2011	354689	9 tháng	14% / năm	9.030.000.000	10/09/2012
09/12/2011	354704	9 tháng	14% / năm	6.873.850.500	10/09/2012
12/12/2011	354971	9 tháng	14% / năm	8.684.633.757	12/09/2012
12/12/2011	354980	9 tháng	14% / năm	7.488.125.896	12/09/2012
14/12/2011	355451	9 tháng	14% / năm	10.333.831.618	14/09/2012
16/12/2011	355974	9 tháng	14% / năm	10.000.000.000	17/09/2012
19/12/2011	356214	9 tháng	14% / năm	8.692.836.338	19/09/2012
26/12/2011	357651	9 tháng	14% / năm	8.209.200.169	26/09/2012
26/12/2011	357642	9 tháng	14% / năm	8.658.497.950	26/09/2012
27/12/2011	358007	9 tháng	14% / năm	7.415.452.602	27/09/2012
27/12/2011	357998		14% / năm	5.024.294.881	27/09/2012
28/12/2011	358405	9 tháng	14% / năm	4.303.271.486	28/09/2012
29/12/2011	358690	9 tháng	14% / năm	4.182.917.072	28/09/2012
05/01/2012	359912	9 tháng	14% / năm	7.101.550.963	05/10/2012
06/01/2012	360145	9 tháng	14% / năm	8.353.375.584	08/10/2012
09/01/2012	360446	9 tháng	14% / năm	7.480.000.000	09/10/2012
10/01/2012	360756	9 tháng	14% / năm	7.673.890.171	10/10/2012

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Phụ lục số 04: Bảng kê chi tiết vay ngắn hạn Ngân hàng BIDV Bình Định

Đơn vị tính: đồng

Ngày Vay	Số kế ước	Kỳ hạn	Lãi suất	Số tiền	Ngày đến hạn
11/01/2012	361315	9 tháng	14% / năm	8.717.622.149	11/10/2012
17/01/2012	362600	9 tháng	14% / năm	9.855.104.338	17/10/2012
17/01/2012	362594	9 tháng	14% / năm	6.504.548.071	17/10/2012
17/01/2012	362585	9 tháng	14% / năm	9.976.521.427	17/10/2012
18/01/2012	363287	9 tháng	14% / năm	10.547.636.400	18/10/2012
19/01/2012	363454	9 tháng	14% / năm	7.765.000.000	19/10/2012
07/02/2012	365070	9 tháng	14% / năm	8.301.419.315	07/11/2012
16/12/2012	366709	9 tháng	14% / năm	4.568.705.889	16/11/2012
17/12/2012	366581	9 tháng	14% / năm	5.190.307.755	19/11/2012
21/02/2012	367395	9 tháng	14% / năm	6.554.437.475	21/11/2012
24/02/2012	368219	9 tháng	14% / năm	4.493.250.173	26/11/2012
27/02/2012	368422	9 tháng	14% / năm	8.765.355.934	27/11/2012
02/03/2012	369319	9 tháng	14% / năm	2.200.000.000	03/12/2012
05/03/2012	369902	9 tháng	14% / năm	4.120.812.325	05/12/2012
06/03/2012	370214	9 tháng	14% / năm	2.878.816.129	06/12/2012
14/03/2012	372043	9 tháng	14% / năm	1.439.348.164	14/12/2012
28/03/2012	374623	9 tháng	14% / năm	4.980.958.923	28/12/2012
04/04/2012	375608	9 tháng	14% / năm	8.085.015.478	04/01/2013
10/04/2012	376805	9 tháng	14% / năm	7.151.567.349	10/01/2013
10/04/2012	376513	9 tháng	14% / năm	1.929.935.940	10/01/2013
16/04/2012	377899	9 tháng	14,50% / năm	9.604.409.694	16/01/2013
16/04/2012	377905	9 tháng	14,50% / năm	10.138.822.926	16/01/2013
20/04/2012	378935	9 tháng	14,50% / năm	5.069.724.423	21/01/2013
04/05/2012	381094	9 tháng	14,50% / năm	10.316.176.501	04/02/2013
07/05/2012	381562	9 tháng	14,50% / năm	7.276.005.518	07/02/2013
08/05/2012	381748	9 tháng	14,50% / năm	7.585.192.781	08/02/2013
08/05/2012	381757	9 tháng	14,50% / năm	7.667.001.390	08/02/2013
10/05/2012	382219	9 tháng	14,50% / năm	7.162.518.938	15/12/2013
10/05/2012	382200	9 tháng	14,50% / năm	9.288.260.830	15/12/2013
15/05/2012	382769	9 tháng	14,50% / năm	4.599.751.724	15/12/2013
15/05/2012	382778	9 tháng	14,50% / năm	5.083.935.491	15/12/2013
15/05/2012	382990	9 tháng	14,50% / năm	6.327.964.745	15/12/2013
22/05/2012	384109	9 tháng	14,50% / năm	7.903.437.847	22/02/2013
22/05/2012	384093	9 tháng	14,50% / năm	5.113.147.900	22/02/2013
23/05/2012	348303	9 tháng	14,50% / năm	7.851.170.777	25/02/2013
28/05/2012	385157	9 tháng	14,50% / năm	5.255.269.899	28/02/2013
04/06/2012	386327	9 tháng	15% / năm	7.659.203.750	04/03/2013
06/06/2012	386789	9 tháng	15% / năm	5.552.407.308	06/03/2013
13/06/2012	388457	9 tháng	15% / năm	2.408.656.387	13/03/2013
19/06/2012	389803	9 tháng	14% / năm	7.652.096.671	19/03/2013
	Tổng cộng			604.952.110.539	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn kế toán

từ 01/01/2012 đến 30/6/2012

Phu lục số 05: Bảng kê chi tiết các khoản vay dài hạn Ngân hàng BIDV Bình Định**VAY DÀI HẠN USD**

Ngày Vay	Số kế ước	Kỳ hạn	Lãi suất	VND tương đương	Ngày đến hạn	Gốc vay-USD	Ghi chú
30/11/2010	5176	48 tháng	8,5%/năm	3.707.384.000	30/11/2014	178.000	Vay mua 01 cầu tháp điện Daewoo model DW1475
03/01/2010	3286	60 tháng	8,5%/năm	2.466.035.200	25/12/2015	118.400	Vay mua máy ủi Caterpillar-XL SX 2009 Nhật Bản
	Tổng cộng			6.173.419.200		296.400	

VAY DÀI HẠN VND

Ngày Vay	Số kế ước	Kỳ hạn	Lãi suất	Số tiền	Ngày trả kỳ tới		Ghi chú
04/03/2011	0304444	66 tháng	17,5%/năm	45.726.416.660	04/09/2016		
27/05/2010	0257548	60 tháng	17,5%/năm	2.123.368.816	27/05/2015		
25/05/2006	065884	84 tháng	17,5%/năm	5.350.000.000	25/05/2013		
02/03/2010	0245109	62 tháng	17,5%/năm	11.261.557.822	25/05/2014		
04/03/2011	0238969	66 tháng	17,5%/năm	14.291.338.100	04/09/2016		
20/05/2009	0194742	72 tháng	17,5%/năm	16.569.992.022	20/05/2014		
	Tổng cộng			95.322.673.420			

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)